

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KBANG-TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **04/2018/DS-ST.**

Ngày: 19/4/2018.

***“V/v: Tranh chấp về
hợp đồng vay tài sản ”***

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KBANG-TỈNH GIA LAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Lành.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thi.

2. Bà Võ Thị Cảnh.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Sen - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

Ngày 19/4/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kbang, Tòa án nhân dân huyện Kbang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 10/ 2018/ TLST-DS ngày 07/ 02/ 2018. Về việc: ***“Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản”***, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/ 2018/ QĐXXST-DS ngày 05/4/2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị Thu T, sinh năm 1986;

Cùng địa chỉ: Thôn A, xã Nghĩa A, huyện K, tỉnh Gia Lai.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn C, sinh năm 1967 và bà Đồng Thị M, sinh năm 1970;

Cùng địa chỉ: Thôn A, xã Nghĩa A, huyện K, tỉnh Gia Lai.

Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn bà Huỳnh Thị Thu T trình bày:

Xuất phát từ mối quan hệ làm ăn buôn bán giữa bà và vợ chồng ông Nguyễn C - bà Đồng Thị M, nên từ năm 2006 đến giữa năm 2015 bà đã bán cho ông C - bà M thịt heo để ông C - bà M về bán lẻ, ông C- bà M xin lấy nợ tiền bán thịt. Để duy trì mối quan hệ thân thiết trong họ hàng và tạo điều kiện cho ông C - bà M có thu nhập cho gia đình nên bà đã đồng ý bán nợ theo yêu cầu của ông C – bà M nhưng đến cuối ngày thì bà M phải mang tiền thanh toán cho bà. Thông thường đến cuối ngày thì bà M mang tiền thanh toán cho bà, ngày thì trả một phần, ngày thì trả hết số nợ đã lấy, nhưng đa phần là nợ lại. Về từng thời điểm nợ và số lần ông C- bà M nợ bà đều ghi chi tiết vào sổ ghi nợ. Từ giữa năm 2017 cho đến nay, do ông C – bà M nợ nhiều, số tiền nợ lên đến 45.000.000 đồng nên bà đã chấm dứt việc làm ăn với ông C - bà M, nhưng tổng số tiền

còn nợ là 45.000.000 đồng (*Bốn mươi lăm triệu đồng*) thì ông C - bà M không chịu thanh toán cho bà, mặc dù đã nhiều lần bà đòi nợ. Do ông C - bà M cố tình không trả nợ, lại bán nhà ở, nên vào ngày 10/01/2018, bà đã nhờ đến sự can thiệp của chính quyền địa phương, cụ thể là Ủy ban nhân dân xã Nghĩa A. Tại biên bản làm việc do Ủy ban nhân dân xã Nghĩa A hòa giải thì vợ chồng ông C - bà M đã thừa nhận còn nợ bà số tiền là 45.000.000 đồng, bà M đại diện cho gia đình ký tên nhận nợ. 45.000.000 đồng (*Bốn mươi lăm triệu đồng*).

Nay bà khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông C - bà M phải trả cho bà số tiền còn nợ gốc là 45.000.000 đồng (*Bốn mươi lăm triệu đồng*).

Tại phiên tòa hôm nay, ông - bà vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bị đơn là ông C- bà M phải trả cho ông – bà số tiền nợ gốc là 45.000.000 đồng (*bốn mươi lăm triệu đồng*) với phương thức trả nợ làm 01 lần. Bà không chấp nhận cho ông C- bà M xin được trả dần số tiền nợ trên mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền nợ trên.

Ngoài ra nguyên đơn còn yêu cầu: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi người phải thi hành án là vợ chồng ông Nguyễn C và bà Đồng Thị M thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Bị đơn ông Nguyễn C và bà Đồng Thị M trình bày:

Vợ chồng ông - bà thừa nhận còn nợ bà Huỳnh Thị Thu T số tiền là 45.000.000 đồng (*bốn mươi lăm triệu đồng*) là do ông - bà mua nợ thịt heo của bà T để về bán lẻ, đến nay vẫn chưa có khả năng trả nợ, vì việc làm ăn buôn bán gặp khó khăn. Mỗi lần lấy thịt heo nợ của bà T thì ông - bà và bà Thảo đều chốt lại số nợ đầy đủ vào sổ sách, chứ không ghi giấy nhận nợ cho từng lần hay từng tháng. Đến ngày 10/ 01/ 2018, tại biên bản làm việc tại Ủy ban nhân dân xã Nghĩa A, ông - bà thừa nhận vẫn còn nợ cô T số tiền là 45.000.000 đồng (*bốn mươi lăm triệu đồng*) và Đồng Thị M - đại diện cho gia đình ký tên ghi nhận số nợ trên.

Nay vợ chồng ông - bà đều thừa nhận đúng với số tiền nợ gốc là 45.000.000 đồng (*bốn mươi lăm triệu đồng*) đúng như biên bản làm việc tại Ủy ban nhân dân xã Nghĩa A ngày 10/01/2018. Tại phiên tòa hôm nay, vợ chồng ông - bà chấp nhận trả nợ cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 45.000.000 đồng và xin được trả dần số tiền nợ trên mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền nợ trên.

Bị đơn chấp nhận theo yêu cầu của nguyên đơn là: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi người phải thi hành án là vợ chồng ông Nguyễn C và bà Đồng Thị M thi hành án xong, tất cả các khoản tiền (45.000.000 đồng nợ gốc), hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp phát sinh giữa nguyên đơn bà Huỳnh Thị Thu T với bị đơn là vợ chồng ông Nguyễn C - bà Đồng Thị M là tranh chấp phát sinh từ quan hệ pháp luật vay tài sản, cụ thể là quan hệ giữa bên cho vay là bà Huỳnh Thị Thu T và bên vay là ông C - bà M. Quan hệ này được lập thành văn bản, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên được pháp luật bảo vệ. Bà Huỳnh Thị Thu T là chủ thể trong giao dịch có quyền lợi bị vi phạm nên được quyền khởi kiện. Đơn khởi kiện đảm bảo về hình thức và thời hiệu khởi kiện nên được xem xét và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kbang, Gia Lai.

[2] Quan hệ vay tài sản giữa người cho vay là bà Huỳnh Thị Thu T và người vay là ông C - bà M được thực hiện bằng việc ghi nợ trên sổ sách và được ghi nhận tổng số tiền còn nợ thể hiện trên văn bản do chính quyền địa phương là UBND xã Nghĩa A, nơi các đương sự đang sinh sống và làm việc.

Chứng cứ mà bà Huỳnh Thị Thu T cung cấp cho Tòa án làm chứng cứ khởi kiện là Biên bản làm việc tại Ủy ban nhân dân xã Nghĩa A vào ngày 10/01/2018 thì ông – bà đã thừa nhận vẫn còn nợ nguyên đơn số tiền nợ gốc là 45.000.000 đồng (*bốn mươi lăm triệu đồng*) và bà Đồng Thị M - đại diện cho gia đình ký tên ghi nhận số nợ trên. Chứng cứ và lời trình bày của nguyên đơn đã được bị đơn là ông C - bà M thừa nhận, đồng thời hoàn toàn phù hợp với nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên chứng cứ trên được HĐXX chấp nhận.

[3] Bị đơn là ông C - bà M đã thừa nhận nợ bà Huỳnh Thị Thu T số tiền là 45.000.000 đồng nợ gốc và chấp nhận trả nợ, nhưng do điều kiện hoàn cảnh gia đình gặp khó khăn nên xin được trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ trên. Đối với yêu cầu trả nợ dần của bị đơn thì nguyên đơn không đồng ý, hơn nữa bị đơn yêu cầu được trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng trên số tiền 45.000.000 đồng thì thời gian thực hiện quá lâu, không đảm bảo được quyền lợi cho bà Thảo, nên HĐXX không chấp nhận.

Từ những phân tích như trên, căn cứ vào Điều 474 và 477 của Bộ luật dân sự năm 2005, HĐXX cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Thu T để buộc bị đơn là vợ chồng ông Nguyễn C - bà Đồng Thị M phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 45.000.000 đồng (*bốn mươi lăm triệu đồng*).

Về án phí DS-ST: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên nguyên đơn không phải chịu án phí DSST.

Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật là $45.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 2.250.000 \text{ đồng}$.

Hoàn trả cho nguyên đơn toàn bộ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 471, 474 và 477 của Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ vào các Điều 26; 35; 91; 93; 94; 95; 108 và khoản 03 Điều 144; khoản 01 và khoản 05 Điều 147; 227; 228; 266, 357, 468 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Thu T, buộc bị đơn ông Nguyễn C - bà Đồng Thị M phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 45.000.000 đồng (*bốn mươi lăm triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án là bà Huỳnh Thị Thu T (*đối với khoản tiền 45.000.000 đồng*) cho đến khi người phải thi hành án là vợ chồng ông Nguyễn C - bà Đồng Thị M thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc bị đơn ông Nguyễn C - bà Đồng Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.250.000 đồng.

Hoàn trả cho nguyên đơn Huỳnh Thị Thu T số tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp là 1.125.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0007210, ngày 07/02 /2018 của Chi cục THADS huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu TAND tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TA tỉnh Gia Lai;
- VKS Kbang;
- THA Kbang;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA,VPTA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐỖ THỊ LÀNH

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN

TP-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

ĐỖ THỊ LÀNH

Nơi nhận:

- TA tỉnh;
- VKS KBang;
- THA KBang;
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Nguyên

